

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **13/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/01/2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tiến Dũng và ông Đỗ Văn Dục.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Bà Nguyễn Thị thủy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 733/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1972;

- **Bị đơn:** Ông Lê Đức Đ, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Số A đường Y, tổ dân phố G, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: Buôn Kô, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày như sau:**

Bà Trần Thị Kim D (nguyên đơn) và ông Lê Đức Đ (bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày ngày 17/01/1996 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn tại chính quyền địa phương xong vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 các bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp về tính cách, bị đơn thường xuyên gây sự, đánh đập vợ con, đập phá đồ đạc trong gia đình nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Quá trình mâu thuẫn các bên đã hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thay đổi hôn nhân không thể hàn gắn được vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn.

- Về con chung: Có 04 con tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 02/9/1999; Lê Đức K, sinh ngày 13/10/1996; Lê Trung H, sinh ngày 04/3/2009; Lê V, sinh ngày 21/02/2015. Cháu N và K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H và V đến tuổi trưởng thành không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày như sau:**

- Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc và đôi lúc phát sinh mâu thuẫn nên bị đơn nóng giận nên tát nguyên đơn nhưng không gây hậu quả và vợ chồng đã tự hòa giải và tiếp tục chung sống cho đến nay. Theo bị đơn lý do nguyên đơn yêu cầu ly hôn vì cách đây mấy năm bị đơn bị tai biến, tay run khó lao động để tạo ra thu nhập. Vì vậy đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nương tựa nhau lúc tuổi già.

- Về con chung có 04 con tên: Lê Thị Kim N, sinh ngày 02/9/1999; Lê Đức K, sinh ngày 13/10/1996; Lê Trung H, sinh ngày 04/3/2009; Lê V, sinh ngày 21/02/2015.

Cháu N và K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. còn cháu H và V nếu nguyên đơn cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của cháu.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Giao hai con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/1996 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung và hay cãi vã xô sát. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống hòa hợp với nhau được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn. Bị đơn cho rằng vợ chồng đôi lúc có mâu thuẫn xô sát nhưng sau đó đã hòa giải, hơn nữa sau khi bị đơn bị tai biến không có khả năng lao động tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

HĐXX nhận thấy bị đơn cho rằng vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nhưng không tự hoà giải cũng như thể hiện thiện chí đoàn tụ mà vẫn duy trì sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, vì vậy xét thấy tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên

đơn.

[4.2] Về con chung: Có 04 con tên: Lê Thị Kim N, sinh ngày 02/9/1999; Lê Đức K, sinh ngày 13/10/1996; Lê Trung H, sinh ngày 04/3/2009; Lê V, sinh ngày 21/02/2015. Hiện tại N và K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng cháu Lê Trung H và Lê V trình bày nguyện vọng muốn ở với nguyên đơn cũng phù hợp với nguyện vọng của các đương sự nên cần chấp nhận giao cháu H và cháu V1 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bị đơn được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Trần Thị Kim D được ly hôn với bị đơn ông Lê Đức Đ.

2. Về con chung: Có 04 con tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 02/9/1999; Lê Đức K, sinh ngày 13/10/1996; Lê Trung H, sinh ngày 04/3/2009; Lê V, sinh ngày 21/02/2015. Hiện tại N và K đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Giao Cháu Lê Trung H và cháu Lê V cho bà Trần Thị Kim D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Lê Đức Đ được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: AA/2022/0004468 ngày 19/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- UBND phường Thành Công;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH